



Mã hàng	In(A)	Icu	Đơn giá (VND)
<b>MCCB 2P - Chính dòng nhiệt (Adj. thermal)</b> <b>30 ~ 250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)</b>			
HGM50E-F 2P	16-20-25-32-40-50A	35kA	580,000
HGM50S-F 2P	16-20-25-32-40-50A	50kA	600,000
HGM100E-F 2P	63-75-100A	35kA	735,000
HGM100S-F 2P	63-75-100A	50kA	750,000
HGM125E-F 2P	75-100-125A	50kA	850,000
HGM125S-F 2P	75-100-125A	65kA	870,000
HGM250S-F 2P	125~250A	65kA	1,520,000
HGM400E-F 2P	300/350/400A	50kA	3,750,000

<b>MCCB 3P - Chính dòng nhiệt (Adj. thermal)</b> <b>30 ~ 250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)</b>			
HGM50E-F 3P	16-20-25-32-40-50A	16kA	680,000
HGM50S-F 3P	16-20-25-32-40-50A	20kA	700,000
HGM50H-F 3P	16-20-25-32-40-50A	38kA	840,000
HGM50L-F 3P	16-20-25-32-40-50A	55kA	890,000
HGM100E-F 3P	63-75-100A	16kA	935,000
HGM100H-F 3P	63-75-100A	26kA	990,000
HGM100L-F 3P	63-75-100A	30kA	1,050,000
HGM125E-F 3P	75-100-125A	20kA	960,000
HGM125S-F 3P	75-100-125A	26kA	990,000
HGM125H-F 3P	75-100-125A	38kA	1,230,000
HGM125L-F 3P	75-100-125A	55kA	1,450,000
HGM250S-F 3P	125~250A	26kA	1,800,000
HGM250H-F 3P	125~250A	38kA	1,900,000
HGM250L-F 3P	125~250A	55kA	2,340,000
HGM400E 3P (*)	250A	45kA	4,300,000
HGM400S 3P (*)	250A	65kA	4,600,000
HGM400E-F 3P	300-350-400A	45kA	4,400,000
HGM400S-F 3P	300-350-400A	65kA	4,650,000
HGM400H-F 3P	300-350-400A	85kA	4,750,000
HGM630E-F 3P	500-630	45kA	8,990,000
HGM630S-F 3P	500-630	65kA	9,700,000
HGM630H-F 3P	500-630	85kA	9,900,000
HGM800S-F 3P	700-800A	65kA	9,800,000
HGM800H-F 3P	700-800A	85kA	10,500,000

<b>MCCB 3P - Chính dòng nhiệt (Adj. thermal) và chính dòng ngắn mạch INST(magnetic)</b>			
HGP250S-H 3P	100~250A	85kA	4,650,000
HGP400S-H 3P	300-350-400A	85kA	6,720,000
HGP630S-H 3P	500-630A	85kA	12,800,000
HGP800S-H 3P	700-800A	85kA	14,500,000

Icu (kA) tại 220/240VAC đối với MCCB 2P

Icu (kA) tại 380/415VAC đối với MCCB 3P, 4P

(\*) MCCB loại cố định

(\*\*) Quý khách vui lòng liên hệ Nhà cung cấp

Mã hàng	In(A)	Icu	Đơn giá (VND)
<b>MCCB 4P - Chính dòng nhiệt (Adj. thermal)</b> <b>30 ~ 250AF (0.8-0.9-1*In), 400 ~ 800AF (0.63-0.8-1*In)</b>			
HGM60E -F 4P	16~63A	16kA	1,050,000
HGM60S -F 4P	16~63A	20kA	1,250,000
HGM60H -F 4P	16~63A	26kA	1,350,000
HMG100S -F 4P	75-100A	20kA	1,350,000
HMG100H -F 4P	75-100A	26kA	1,400,000
HMG100L -F 4P	75-100A	30kA	1,500,000
HMG125E -F 4P	100-125A	20kA	1,850,000
HMG125H -F 4P	100-125A	38kA	1,900,000
HMG250E -F 4P	125~250A	20kA	2,750,000
HMG250S -F 4P	125~250A	26kA	2,850,000
HMG250H -F 4P	125~250A	38kA	3,050,000
HMG400E 4P (*)	250A	45kA	5,900,000
HMG400S 4P (*)	250A	65kA	6,000,000
HMG400E -F 4P	300-350-400A	45kA	5,950,000
HMG400S -F 4P	300-350-400A	65kA	6,100,000
HMG400H -F 4P	300-350-400A	85kA	6,200,000
HMG630E -F 4P	500-630	45kA	10,500,000
HMG630S -F 4P	500-630	65kA	11,000,000
HMG630H -F 4P	500-630	85kA	12,000,000
HMG800S -F 4P	700-800A	65kA	12,000,000
HMG800H -F 4P	700-800A	85kA	12,500,000

<b>Phụ kiện HG -MCCB</b>		
Aux. Switch	AUX 10GM C1 (HMG30~250)	250,000
	AUX 40GM (HMG400/ 800)	350,000
Alarm Switch	ALT 10GM (HMG30~250)	250,000
	ALT 40GM (HMG400/ 800)	350,000
Shunt Trip AC200~230V/380~415V	SHT 10GM (HMG30~250)	450,000
	SHT 40GM (HMG400/ 800)	690,000
Under Voltage Trip AC200~230V/380~415V	UVT 10GM (HMG30~250)	1,200,000
	UVT 40GM (HMG400/ 800)	1,200,000
Tay xoay (gắn trực tiếp)	TFG 10GM/ 12GM/ 25GM	500,000
	TFG 40GM/ 80GM	1,130,000
Tay xoay (loại nối dài)	TFH 10GM/ 12GM/ 25GM	650,000
	TFH 40GM/ 80GM	1,320,000
Motor (MOT)	MOT10GM	5,900,000
	MOT12GM/ 25GM	6,300,000
	MOT40GM	9,300,000
	MOT80GM	10,500,000
Tấm chắn pha	TQQ10GM3	43,000
	TQQ25GM3	55,000
	TQQ40GM3	185,000
Bus bar	TBB25GM3S	290,000
	TBB40GM3S	750,000
	TBB80GM3S	1,650,000
Nắp đầu cực	TCF	(**)
Khoá (Padlock)	PLD	(**)

Bảng giá áp dụng từ ngày 20/08/2018

Mã hàng	In(A)	Icu	Đơn giá (VND)
<b>APTOMAT- MCCB 2P</b>			
UMB30RA 2P	15-20-30A	1.5kA	108,000
UDB30S 2P	10-15-20-30A	5kA	410,000
UDB50S 2P	40-50A	5kA	480,000
<b>APTOMAT- MCCB 3P</b>			
UDB30S 3P	10-15-20-30A	2.5kA	555,000
UDB50S 3P	40-50A	2.5kA	595,000

<b>APTOMAT- MCCB 3P, Chính dòng điện tử (Electronic)</b>			
UPB400S 3P	200~400A	85kA	14,000,000
UPB630S 3P	320~630A	85kA	15,000,000
UCB1000S 3P	505~1000A	100kA	24,500,000
UCB1250S 3P	630~1250A	100kA	25,500,000
UCB1600S 3P	640~1600A	65kA	50,500,000
<b>APTOMAT- MCCB 4P, Chính dòng điện tử (Electronic)</b>			
UCB1000S 4P	505~1000A	100kA	33,000,000
UCB1250S 4P	630~1250A	100kA	35,500,000

<b>Phụ kiện U -MCCB</b>		
Tiếp điểm AUX/ALT	UPB400~630	360,000
Tiếp điểm AUX/ALT	UCB1000~1250S/L	720,000
Tiếp điểm AUX	UCB1600S	1,500,000
Shunt Trip (SHT)	UPB400~630	450,000
	UCB1000~1250S/L	1,500,000
	UCB1600S	2,100,000
Under Voltage Trip	UPB400~630	1,500,000
	UCB1000~1250S/L	750,000
	UCB1600S	2,200,000
MOT46NE	UPB400~630	9,000,000
MOT80NE	UCB1000~1250S/L	9,980,000
MOT160NE	UCB1600S	16,000,000

Mã hàng	In(A)	Icu	Đơn giá (VND)
<b>APTOMAT- MCB (Loại thanh cái B/C/D curve)</b>			
HGD63N 1P	6~63A	6kA	70,000
HGD63N 2P	6~63A	6kA	145,000
HGD63N 3P	6~63A	6kA	235,000
HGD63N 4P	6~63A	6kA	400,000
HGD63N 1P+N	6~63A	6kA	150,000
HGD63N 3P+N	6~63A	6kA	410,000
HGD63H 1P	6~63A	10kA	109,000
HGD63H 2P	6~63A	10kA	220,000
HGD63H 3P	6~63A	10kA	355,000
HGD63H 4P	6~63A	10kA	550,000
HGD125 1P	63~125A	10kA	260,000
HGD125 2P	63~125A	10kA	520,000
HGD125 3P	63~125A	10kA	790,000
HGD125 4P	63~125A	10kA	1,050,000

<b>APTOMAT RCCB (dòng dò 30/ 100/ 300/ 500mA)</b>			
HRC63 2P 40F	A Type	10kA	580,000
HRC63 2P 63F			580,000
HRC100 2P 100F			790,000
HRC63 4P 40F			810,000
HRC63 4P 63F			810,000
HRC100 4P 100F			1,190,000
HRC63 2P 40G	AC Type	10kA	550,000
HRC63 2P 63G			550,000
HRC100 2P 100G			750,000
HRC63 4P 40G			750,000
HRC63 4P 63G			750,000
HRC100 4P 100G			1,190,000

<b>APTOMAT ELCB (dòng dò 30mA/100-300-500-1000mA)</b>			
HGE50E 2P	32-40-50A	35kA	1,800,000
HGE100S 2P	16~100A	50kA	1,800,000
HGE250E 2P	100~250A	50kA	3,500,000
HGE50E 3P	16~50A	16kA	2,100,000
HGE100S 3P	16~100A	20kA	2,600,000
HGE250S 3P	100~160A	26kA	4,000,000
HGE400E 3P	250~400A	45kA	9,000,000



Mã hàng	In(A)	C. Suất	Đơn giá (VNĐ)
<b>CONTACTOR (AC Magnetic Contactor, 380VAC, 50Hz)</b>			
HGC9 11NS X ---	9A(1a1b)	4KW	275,000
HGC12 11NS X ---	12A(1a1b)	5.5KW	290,000
HGC18 11NS X ---	18A(1a1b)	7.5KW	410,000
HGC25 11NS X ---	25A(1a1b)	11KW	495,000
HGC32 22NS X ---	32A(2a2b)	15KW	720,000
HGC40 22NS X ---	40A(2a2b)	18.5KW	900,000
HGC50 22NS X ---	50A(2a2b)	22KW	990,000
HGC65 22NS X ---	65A(2a2b)	30KW	1,250,000
HGC75 22NS X ---	75A(2a2b)	37KW	1,600,000
HGC85 22NS X ---	85A(2a2b)	45KW	1,900,000
HGC100 22NS X ---	100A(2a2b)	55KW	2,250,000
<b>CONTACTOR (AC/DC Magnetic Contactor)</b>			
HGC115 22NS F ---	115A(2a2b)	60KW	2,900,000
HGC130 22NS F ---	130A(2a2b)	65KW	2,995,000
HGC150 22NS F ---	150A(2a2b)	75KW	3,850,000
HGC185 22NS F ---	185A(2a2b)	90KW	4,950,000
HGC225 22NS F ---	225A(2a2b)	132KW	5,850,000
HGC265 22NS F ---	265A(2a2b)	147KW	7,950,000
HGC300 22NS F ---	300A(2a2b)	160KW	8,700,000
HGC400 22NS F ---	400A(2a2b)	220KW	9,800,000
HGC500 22NS F ---	500A(2a2b)	250KW	16,150,000
HGC630 22NS F ---	630A(2a2b)	330KW	20,500,000
HGC800 22NS F ---	800A(2a2b)	400KW	25,500,000

RƠ LE NHIỆT	Dãi Dòng	Đơn giá (VNĐ)
HGT18K (cho HGC9 ~ 18)	0.12 - 0.18A, 0.18 - 0.26A, 0.25 - 0.35A, 0.34 - 0.5A, 0.5 - 0.7A, 0.6 - 0.9A, 0.8 - 1.2A, 1.1 - 1.6A, 1.5 - 2.1A, 2 - 3A, 2.8 - 4.2A, 3 - 5A, 4 - 6A, 5.6 - 8A, 6 - 9A, 8 - 12A, 12 - 18A	240,000
HGT40K (cho HGC25~40)	8 - 12A, 12 - 18A, 15 - 22A, 17 - 25A, 22 - 32A, 28-40A	315,000
HGT65K (cho HGC50~65)	17 - 25A, 22-32A, 28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A	640,000
HGT100K (cho HGC75~100)	28 - 40A, 34 - 50A, 45 - 65A, 52 - 75A, 59 - 85A, 70-100A	930,000
HGT150K (cho HGC115~150)	48 - 80A, 69 - 115A, 78 - 130A, 90 - 150A	1,850,000
HGT265K (cho HGC185~265)	90 - 150A, 111 - 185A, 135 - 225A, 159 - 265A	2,400,000
HGT500K (cho HGC300~500)	159 - 265A, 180 - 300A, 240 - 400A, 300-500A	3,450,000
HGT800K (cho HGC630, 800)	378 - 630A, 480 - 800A	6,800,000

<b>CAPACITOR SWITCHING UNIT (Phụ kiện Contactor khi sử dụng cho đóng cắt tụ bù)</b>		
HGCCU40 00NS	HGC9 ~ 40	400,000
HGCCU65 00NS	HGC50 ~ 65	400,000
HGCCU100 00NS	HGC75~100	400,000

Mã hàng	Tiếp điểm	Đơn giá (VNĐ)
<b>TIẾP ĐIỂM PHỤ (CÀI TRÊN)</b>		
HGCTB--NS cho HGC9~100	2NC/ 1NO+1NC/ 2NC	88,000
	4NO/3NO+1NC/2NO+2NC/ 1NO+3NC/4NC	150,000

<b>TIẾP ĐIỂM PHỤ (CÀI CẠNH)</b>		
HGCSB 40	1NO+1NC, dùng cho HGC9 ~ 40	85,000
HGCSB 100	1NO+1NC, dùng cho HGC50 ~ 100	120,000
HGCSB 800	1NO+1NC, dùng cho HGC115 ~ 800	160,000

<b>KHÓA LIÊN ĐỘNG</b>		
HGCIU40	HGC9 ~ 40	160,000
HGCIU100	HGC50 ~ 100	165,000
HGCIU265	HGC115 ~ 265	300,000
HGCIU800	HGC300 ~ 800	1,200,000

<b>CONTROL RELAY (4b/ 1a3b/ 2a2b/ 3a1b/ 4a)</b>		
HGR--XS X220	AC220V	430,000
HGR--TS D110	DC110V	540,000

<b>CUỘN HÚT CONTACTOR (AC220V 50Hz)</b>		
HGCOL18 X---	HGC9 ~ 18	138,000
HGCOL40 X---	HGC25 ~ 40	138,000
HGCOL65 X---	HGC50 ~ 65	196,000
HGCOL100 X---	HGC75 ~ 100	220,000
HGCOL150 F---	HGC115 ~ 150	1,150,000
HGCOL265 F---	HGC185 ~ 265	1,480,000
HGCOL500 F---	HGC300 ~ 500	2,620,000
HGCOL800 F---	HGC630, 800	3,520,000

<b>CUỘN HÚT CONTACTOR (DC)</b>		
HGCOL18 D---	HGC9 ~ 18	210,000
HGCOL40 D---	HGC25 ~ 40	220,000
HGCOL65 D---	HGC50 ~ 65	230,000
HGCOL100 D---	HGC75 ~ 100	260,000

<b>CONTACTOR (DC COIL)</b>		
HGC9 11NSD	9A (1a1b)	450,000
HGC12 11NSD	12A(1a1b)	475,000
HGC18 11NSD	18A(1a1b)	560,000
HGC25 11NSD	25A(1a1b)	575,000
HGC32 11NSD	32A(1a1b)	750,000
HGC40 21NSD	40A(2a1b)	950,000
HGC50 21NSD	50A(2a1b)	1,050,000
HGC65 21NSD	65A(2a1b)	1,350,000
HGC75 21NSD	75A(2a1b)	1,950,000
HGC85 21NSD	85A(2a1b)	2,400,000
HGC100 21NSD	100A(2a1b)	2,500,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 20/08/2018

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
<b>MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAS type, loại cố định</b>			
UAS06A 3H M2C2S250T	630A	65	47,000,000
UAS08A 3H M2C2S250H	800A	65	47,500,000
UAS10A 3H M2C2S250J	1000A	65	48,000,000
UAS12A 3H M2C2S250K	1250A	65	51,000,000
UAS16A 3H M2C2S250L	1600A	65	52,000,000
UAS20B 3H M2C2S250M	2000A	85	65,000,000
UAS25B 3H M2C2S250N	2500A	85	71,000,000
UAS32B 3H M2C2S250P	3200A	85	81,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
<b>MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAS type, loại ngăn kéo</b>			
UAS06A 3B M2C2S250T	630A	65	60,500,000
UAS08A 3B M2C2S250H	800A	65	62,000,000
UAS10A 3B M2C2S250J	1000A	65	63,000,000
UAS12A 3B M2C2S250K	1250A	65	68,000,000
UAS16A 3B M2C2S250L	1600A	65	70,500,000
UAS20B 3B M2C2S250M	2000A	85	83,500,000
UAS25B 3B M2C2S250N	2500A	85	92,000,000
UAS32B 3B M2C2S250P	3200A	85	103,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
<b>MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAN type, loại cố định</b>			
UAN06A 3H M2C2S250T	630A	85	52,000,000
UAN08A 3H M2C2S250H	800A	85	52,500,000
UAN10A 3H M2C2S250J	1000A	85	53,000,000
UAN12A 3H M2C2S250K	1250A	85	55,500,000
UAN16A 3H M2C2S250L	1600A	85	57,000,000
UAN20A 3V M2C2S250M	2000A	85	61,000,000
UAN20B 3H M2C2S250M	2000A	100	72,000,000
UAN25B 3H M2C2S250N	2500A	100	79,000,000
UAN32B 3H M2C2S250P	3200A	100	95,000,000
UAN40B 3H M2C2S250Q	4000A	100	108,000,000
UAN40C 3H M2C2S250Q	4000A	100	145,000,000
UAN50C 3H M2C2S250S	5000A	100	150,000,000
UAN63D 3V M2C2S250X	6300A	150	225,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
<b>MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 3P UAN type, loại ngăn kéo</b>			
UAN06A 3B M2C2S250T	630A	85	67,500,000
UAN08A 3B M2C2S250H	800A	85	68,500,000
UAN10A 3B M2C2S250J	1000A	85	70,500,000
UAN12A 3B M2C2S250K	1250A	85	76,000,000
UAN16A 3B M2C2S250L	1600A	85	79,000,000
UAN20A 3B M2C2S250M	2000A	85	84,500,000
UAN20B 3B M2C2S250M	2000A	100	95,000,000
UAN25B 3B M2C2S250N	2500A	100	103,500,000
UAN32B 3B M2C2S250P	3200A	100	138,000,000
UAN40B 3B M2C2S250Q	4000A	100	140,000,000
UAN40C 3B M2C2S250Q	4000A	100	171,000,000
UAN50C 3B M2C2S250S	5000A	100	179,000,000
UAN63D 3B M2C2S250X	6300A	150	(**)

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
<b>MÁY CẮT KHÔNG KHÍ -ACB 4P UAS type, loại cố định</b>			
UAS06A 4H M2C2S250T	630A	65	55,000,000
UAS08A 4H M2C2S250H	800A	65	56,000,000
UAS10A 4H M2C2S250J	1000A	65	57,000,000
UAS12A 4H M2C2S250K	1250A	65	59,000,000
UAS16A 4H M2C2S250L	1600A	65	60,000,000
UAS20B 4H M2C2S250M	2000A	85	75,000,000
UAS25B 4H M2C2S250N	2500A	85	83,000,000
UAS32B 4H M2C2S250P	3200A	85	91,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
<b>MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAS type, loại ngăn kéo</b>			
UAS06A 4B M2C2S250T	630A	65	72,500,000
UAS08A 4B M2C2S250H	800A	65	74,500,000
UAS10A 4B M2C2S250J	1000A	65	75,500,000
UAS12A 4B M2C2S250K	1250A	65	81,000,000
UAS16A 4B M2C2S250L	1600A	65	84,000,000
UAS20B 4B M2C2S250M	2000A	85	99,500,000
UAS25B 4B M2C2S250N	2500A	85	106,000,000
UAS32B 4B M2C2S250P	3200A	85	115,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
<b>MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAN type, loại cố định</b>			
UAN06A 4H M2C2S250T	630A	85	60,000,000
UAN08A 4H M2C2S250H	800A	85	62,000,000
UAN10A 4H M2C2S250J	1000A	85	63,000,000
UAN12A 4H M2C2S250K	1250A	85	65,000,000
UAN16A 4H M2C2S250L	1600A	85	67,000,000
UAN20A 4V M2C2S250M	2000A	85	72,000,000
UAN20B 4H M2C2S250M	2000A	100	85,000,000
UAN25B 4H M2C2S250N	2500A	100	91,000,000
UAN32B 4H M2C2S250P	3200A	100	112,000,000
UAN40C 4H M2C2S250Q	4000A	100	170,000,000
UAN50C 4H M2C2S250S	5000A	100	188,000,000

Mã hàng	In (A)	Icu(kA)	Đơn giá(VND)
<b>MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - ACB 4P UAN type, loại ngăn kéo</b>			
UAN06A 4B M2C2S250T	630A	85	79,000,000
UAN08A 4B M2C2S250H	800A	85	81,000,000
UAN10A 4B M2C2S250J	1000A	85	83,500,000
UAN12A 4B M2C2S250K	1250A	85	86,500,000
UAN16A 4B M2C2S250L	1600A	85	91,000,000
UAN20A 4B M2C2S250M	2000A	85	99,500,000
UAN20B 4B M2C2S250M	2000A	100	110,000,000
UAN25B 4B M2C2S250N	2500A	100	120,000,000
UAN32B 4B M2C2S250P	3200A	100	150,000,000
UAN40C 4B M2C2S250Q	4000A	100	219,000,000
UAN50C 4B M2C2S250S	5000A	100	262,000,000

<b>Phụ kiện ACB: Bộ bảo vệ thấp áp (UANS V_)</b>	
UVT Coil	1,250,000
UVT Time Delay Controller	2,990,000

<b>Phụ kiện ACB: Khóa liên động -MI (UANS _)</b>	
Liên động 2 ACB ( cho A, B frame)	18,000,000
Liên động 3 ACB ( cho A, B frame)	30,000,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 20/08/2018

Thông số				Mã hàng	Đơn giá (VND)
<b>HVG Fixed series (Only VCB Body)</b>					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AXA444A	58,192,000
		12.5kA		630A	HVG1011AXA444A
	20kA	630A		HVG1131BXA444A	82,918,000
		1250A		HVG1132BXA444A	84,547,000
	25kA	630A		HVG1141BXA444A	82,950,000
		1250A		HVG1142BXA444A	86,637,000
<b>HVG Draw-Out series With E Cradle (without Shutter &amp; Bushing)</b>					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AES444A	68,963,000
		12.5kA		630A	HVG1011AES444A
	20kA	630A		HVG1131BES444A	95,298,000
		1250A		HVG1132BES444A	100,102,000
	25kA	630A		HVG1141BES444A	99,032,000
		1250A		HVG1142BES444A	102,706,000
<b>HVG Draw-Out series With F Cradle (with Shutter &amp; Without Bushing)</b>					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AFS444A	77,254,000
		12.5kA		630A	HVG1011AFS444A
	20kA	630A		HVG1131BFS444A	102,428,000
		1250A		HVG1132BFS444A	104,325,000
	25kA	630A		HVG1141BFS444A	102,813,000
		1250A		HVG1142BFS444A	107,882,000
<b>HVG Draw-Out series With G Cradle (with Shutter &amp; Bushing)</b>					
7.2kV	8kA	400A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVG1099AGS444A	93,751,000
		12.5kA		630A	HVG1011AGS444A
	20kA	630A		HVG1131BGS444A	124,715,000
		1250A		HVG1132BGS444A	138,087,000
	25kA	630A		HVG1141BGS444A	132,707,000
		1250A		HVG1142BGS444A	142,186,000
<b>HVF Fixed series (Only VCB Body)</b>					
36kV	25kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7142IXA444C	267,862,000
		2000A		HVF7144IXA444C	271,539,000
	31.5kA	1250A		HVF7052IXA444C	299,606,000
		2000A		HVF7054IXA444C	335,202,000
		3150A		HVF7057IXA444C	372,766,000
<b>HVF Draw-Out series With G Cradle (with Shutter &amp; Bushing)</b>					
36kV	25kA	1250A	Control Voltage:DC110V, 4NO+4NC	HVF7142IGS444C	549,392,000
		2000A		HVF7144IGS444C	564,925,000
	31.5kA	1250A		HVF7052IGS444C	633,010,000
		2000A		HVF7054IGS444C	729,205,000
		3150A		HVF7057IGS444C	957,345,000
<b>HGV Fixed series (Only VCB Body)</b>					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CXA444C	119,561,000
		1250A		HGV1142CXA444C	120,174,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FXA444C	133,663,000
		1250A		HGV6142FXA444C	134,276,000
		2000A		HGV6144FXA444C	158,802,000
<b>HGV Draw-out series With E Cradle (without Shutter &amp; Bushing)</b>					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CES444C	147,152,000
		1250A		HGV1142CES444C	153,283,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FES444C	184,554,000
		1250A		HGV6142FES444C	185,473,000
		2000A		HGV6144FES444C	221,954,000
<b>HGV Draw-out series with F Cradle (with Shutter &amp; without Bushing)</b>					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141CFS444C	158,495,000
		1250A		HGV1142CFS444C	165,546,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FFS444C	192,156,000
		1250A		HGV6142FFS444C	196,080,000
		2000A		HGV6144FFS444C	269,656,000
<b>HGV Draw-out series With G Cradle (with Shutter &amp; Bushing)</b>					
7.2kV	25kA	630A	Control Voltage:AC/DC110V, 4NO+4NC	HGV1141FGS444C	239,123,000
		1250A		HGV1142FGS444C	242,188,000
24/25.8kV	25kA	630A		HGV6141FGS444C	242,188,000
		1250A		HGV6142FGS444C	254,450,000
		2000A		HGV6144FGS444C	288,848,000

Bảng giá áp dụng từ ngày 20/08/2018

Mã hàng	Thông số	Đơn giá (VND)
<b>Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Continuously Energized, Fixed type</b>		
UVC32CX100000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	32,246,000
UVC62CX100000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	33,183,000
UVC32CA1006000HCM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	38,254,000
UVC62CA1006000HCM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	39,357,000
<b>Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Continuously Energized, Draw-out type</b>		
UVC32CB1F10000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	44,372,000
UVC62CB1F10000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	45,309,000
UVC32CD1F16000CM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	52,420,000
UVC62CD1F16000CM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	53,522,000
HCA32CB4M10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	98,556,000
HCA62CB4M10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	99,713,000
HCA32CD4M16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	107,982,000
HCA62CD4M16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	109,195,000
HCA32CB4T10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	152,739,000
HCA62CB4T10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	153,566,000
<b>Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Continuously Energized, Fixed type</b>		
UVC34CX100000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	31,530,000
UVC64CX100000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	32,466,000
UVC34CA1006000HCM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	39,357,000
UVC64CA1006000HCM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	40,569,000
<b>Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Continuously Energized, Draw-out type</b>		
UVC34CB1F10000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	45,695,000
UVC64CB1F10000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	46,687,000
UVC34CD1F16000CM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	53,963,000
UVC64CD1F16000CM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	55,176,000
HCA34CB4M10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	101,532,000
HCA64CB4M10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	102,690,000
HCA34CD4M16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	111,234,000
HCA64CD4M16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	112,501,000
HCA34CB4T10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	157,315,000
HCA64CB4T10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	158,196,000
HCA34CD4T16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	170,665,000
HCA64CD4T16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	172,805,000

Mã hàng	Thông số	Đơn giá (VNĐ)
<b>Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Latched, Fixed type</b>		
UVC32LX100000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	33,183,000
UVC62LX100000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	35,056,000
UVC32LA1006000HCM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	40,183,000
UVC62LA1006000HCM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	41,340,000
<b>Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 200A, Latched, Draw-out type</b>		
UVC32LB1F10000H	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	46,632,000
UVC62LB1F10000H	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	47,625,000
UVC32LD1F16000CM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	55,065,000
UVC62LD1F16000CM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	56,223,000
HCA32LB4M10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	103,462,000
HCA62LB4M10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	104,729,000
HCA32LD4M16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	113,384,000
HCA62LD4M16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	114,706,000
HCA32LB4T10000	3.6kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	160,402,000
HCA62LB4T10000	7.2kV, 200A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	161,283,000
HCA32LD4T16000AM	3.6kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	174,945,000
HCA62LD4T16000AM	7.2kV, 200A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch), with FMD	176,550,000
<b>Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Latched, Fixed type</b>		
UVC34LX100000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	33,073,000
UVC64LX100000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC	34,065,000
UVC34LA1006000HCM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	41,341,000
UVC64LA1006000HCM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, with FMD	42,608,000
<b>Vacuum Contactor 3.6/7.2kV 400A, Latched, Draw-out type</b>		
UVC34LB1F10000H	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	47,955,000
UVC64LB1F10000H	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter)	49,003,000
UVC34LD1F16000CM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	56,664,000
UVC64LD1F16000CM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC/DC 200-230V, 3NO+2NC, With F Cradle (Insulation shutter), with FMD	57,876,000
HCA34LB4M10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	106,603,000
HCA64LB4M10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing)	107,871,000
HCA34LD4M16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	116,801,000
HCA64LD4M16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With M Cradle (Metal shutter and bushing), with FMD	118,069,000
HCA34LB4T10000	3.6kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	165,252,000
HCA64LB4T10000	7.2kV, 400A, without fuse holder, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	166,134,000
HCA34LD4T16000AM	3.6kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	179,760,000
HCA64LD4T16000AM	7.2kV, 400A, with 192mm single fuse holder not including fuse, AC220V, 2NO+2NC, With T Cradle (Metal shutter, Bushing, & Earthing switch)	181,365,000